

LICH HOC

Tuần 01(18/01 - 24/01/2021), Học kỳ 2-Năm học 2020-2021

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																								
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10					
Bui T Thu Vy(KT CN)																																																							
Chau Thi Ngoc Tuyet(CBAN)	Phap luat DC P.A303 K20KT		Phap luat DC P.A302 K20QT			Phap luat DL P.A306 K12DL/K19DL			Luat kinh doanh P.A201 K12QT			Phap luat DC P.A303 K20KT					Luat kinh doanh P.A302 K12QT		Luat kinh doanh P.A206 K12QT		Phap luat DC P.A305 K20QT																																		
Dang T Minh Hieu(QTKD)	Tam ly hoc DC P.A205 K20QN/K20LK					Giao tiep cong dong P.A305 K20QN			Tly hoc DC(Thi CK) P.A404 K20QN/K20LK												Giao tiep cong dong P.A202 K20QN																																		
Đo Anh Tuan(CBAN)	AV chuyen ngành P.A204 K12LK2		AV 2 P.A301 K19KT						AV chuyen ngành P.A205 K12LK2												AV chuyen ngành P.A303 K12LK2		AV 2 P.A201 K19KT																																
Dong Ngoc Nguyen Thinh(KT CN)						LT Java NC P.H603 K12TT		Cong nghe Web P.H603 K11TT			Co so du lieu 1 P.H602 K19TT		Cong nghe Web P.H603 K11TT		Cong nghe XML P.H604(30) K12TT		Cong nghe Web P.H603 K11TT		LT Java NC P.H602 K12TT		Co so du lieu 1 P.H602 K19TT																																		
Ho Ngoc Huy(KT)	PT chinh sach NN P.H604(30) K12KN		Ky nang mem P.A303 K12DL/K12PT						Toan kinh te P.H604(30) K20QN							Ky nang mem P.A301 K12DL/K12PT		PT chinh sach NN P.H604(30) K12KN																																					
Hoang Dung(MG)																				LT mach dien 1 P.A103 K19D		LT mach dien 1 P.A103 K19D		LT mach dien 1 P.A103 K19D		LT mach dien 1 P.A103 K19D			LT mach dien 1 P.A103 K19D		LT mach dien 1 P.A103 K19D																								

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Le T Bao Yen(KT CN)						Tin hoc van phong P.H604(30) K20LK					Tin hoc van phong P.H602 K20TT					TH CTDL> P.H602 K19TT					Tin hoc van phong P.H603 K20QT									TH CTDL> P.H602 K19TT									Tin hoc van phong P.H603 K20TH										
Le T Thu Trang(KT CN)														QnN P.A305 K12KN					PP NCKH P.A302 K12KT					QnN P.A204 K12KN																									
Le Van Trung(TH-DHSPDN)																														Van hoc thieu nhi(Thi CK) Phong A404 K20TH																			
Mai T Thuy Diem(CBAN)	Tieng anh CN P.A102 K12LK1					Tieng Anh KD P.A204 K12NH								Tieng anh CN P.A204 K12LK1					Tieng Anh KD P.A202 K12NH					Tieng anh CN P.A305 K12LK1									Tieng Anh KD P.A306 K12NH																
Nguyen Cong Thuy Tram(GDTH-DHSP)										SL hoc tre em(Thi CK) P.A202 K20TH																																							
Nguyen Duc Tuan(CBAN)	GDTC4 San 1 CS2_DT K12QT					GDTC1 San 1 CS2_DT K20QK	GDTC4 San 1 CS2_DT K12TH/K12NH				GDTC1 San 2 CS2_DT K20TH	GDTC4 San 1 CS2_DT K12LK2					GDTC2 San 1 CS2_DT K19DL/K19N	GDTC4 San 1 CS2_DT K12KT					GDTC2 San 1 CS2_DT K19QN									GDTC4 San 1 CS2_DT K12DL/K12PT																	
Nguyen Minh Thong(KT CN)						PP NC KH P.A202 K19LK												PP NC KH P.A205 K19LK																															

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Nguyen Nam Hai(TH-DHSP)	PP giai Toan TH P.A203 K11TH		PP giai Toan TH P.A203 K11TH			PP giai Toan TH P.A203 K11TH			PP giai Toan TH P.A203 K11TH		PP giai Toan TH P.A203 K11TH			PP giai Toan TH P.A203 K11TH		PP giai Toan TH P.A203 K11TH			PP giai Toan TH P.A203 K11TH																														
Nguyen Phi Diep(KTOAN)											Ky nang mem P.A102 K12QT															Ky nang mem P.A203 K12QT																							
Nguyen T Hang(KTOAN)	Ky nang mem P.A302 K12KT																																																
Nguyen T Ngan(CBAN)	Duong loi CM VN P.A301 K12DL		Triet hoc - MLN P.A201 K20TH			Chu nghia XHKH P.A405 K19QN					Duong loi CM VN P.A307 K19QN/K19NH			Duong loi CM VN P.A301 K12DL					Triet hoc - MLN P.A201 K20TH		Duong loi CM VN P.A203 K12DL			Chu nghia XHKH P.A204 K19QN																									
Nguyen T Phuong Thao(KTOAN)						NV ngan hang P.A301 K19KT										NV ngan hang P.A103 K19KT										NV ngan hang P.A202 K19KT					NV ngan hang P.A306 K19KT																		
Nguyen T Thanh Hien(CBAN)	Triet hoc - MLN P.A206 K20QT		Triet hoc - MLN P.A206 K20KT/K20TT			Triet hoc - MLN P.A204 K20LK								TT HCM P.A202 K19TH					Triet hoc - MLN P.A103 K20KT/K20TT		Triet hoc - MLN P.A204 K20LK																												
Nguyen Thanh Ba(KT CN)						QT mang P.H603 K12TT										QT mang P.H602 K12TT																																	

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																								
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10					
Nguyen Thiet(CDCD)	Đại số tuyến tính P.A305 K20TT															Đại số tuyến tính P.A306 K20TT																																							
Nguyen Van Linh(KT CN)						KT thi công 1 P.A205 K12XD															KT thi công 1 P.A201 K12XD																																		
Nguyen Xuan Nguyen(CBAN)	GDTC2 San 2 CS2_DT K19KT					GDTC2 San 2 CS2_DT K19TH					GDTC1 San 1 CS2_DT K20KT		GDTC4 San 2 CS2_DT K12TT/K12XD					GDTC1 San 2 CS2_DT K20QT						GDTC4 San 2 CS2_DT K12LK1																															
Pham T Mai Quyen(KTOAN)						QT san xuất P.A307 K19QT															QT san xuất P.A102 K19QT																																		
Pham T Ngoc Ly(KTOAN)											Ke toán TC 1(Thi CK) P.A206 K19KT																																												
Phan T Thanh Truc(QTKD)						Quan tri hoc P.A202 K20QT															Quan tri hoc P.A204 K20QT					QT>NNL(Thi CK) P.A404 K19DL																													
Tran T Thanh Sang(CBAN)	AV 3 P.A103 K19NH/K19TT																																																						

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10															
Truong Cong Quynh(MG)																					CdĐ					CdĐ					CdĐ					CdĐ					CdĐ					CdĐ																			
																										P.A205					P.A205					P.A205					P.A205					P.A205					P.A205														
																										K11ST					K11ST					K11ST					K11ST					K11ST					K11ST														
Truong T Kieu Van(CBAN)	AV 3																									P.A201																																							
																										K19TH/K19QN																																							
Truong Thi Hong Nhung(CBAN)	Luat H.chinh					Luat H.chinh					Luat H.chinh					Luat H.chinh					Luat H.chinh					P.A202					P.A302					P.A201					P.A303					P.A305					P.A202														
																										K19LK					K19LK					K12PT					K19LK					K19LK					K19LK														
Vu Thi Thuong(QTKD)						KT hoc					KT vi mô					KT vi mô					KT hoc					P.A102					P.A102					P.A102					P.A302																								
																										K20KT/K20QT					K20LK/K20QN					K20LK/K20QN					K20KT/K20QT																								
Nhom Khoi nghiep						Khoi nghiep					Khoi nghiep										Khoi nghiep					P.A102					P.A206					P.A102										P.A102																			
																										K11D					K11D					K11D					K11D					K11D																			
Nguyen Van Giang(KT-NN)											Vat ly					Vat ly					Vat ly					P.A305					P.A301					P.A301					K20TT					K20TT																			
THI CK											Am nhac 1(Thi CK)															P.A206					P.A206					P.A206					P.A206					P.A206																			
																										K12TH																																							

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																													
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10										
THI CK1																																																												
(Thi CK)																																																												
Vo Thi Huong (ĐHSPKT)																																																												